

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HSST

Ngày: 25/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ, ngày 21/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST-QĐ, ngày 06/03/2024, đối với bị cáo:

Dương Thị M; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1968 tại H; căn cước công dân số 03316801xxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp; Trú tại: Tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T1 (Đã chết); Bị cáo có chồng là Đào Xuân V, sinh năm 1964 (Đã chết) và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số x đường P, tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

***Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Vân L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số x đường L, tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

- Ông Vũ Đình T2, sinh năm 1945; địa chỉ: Số x đường P, tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

- Ông Vũ Đình V1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số x đường P, tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số x đường P, tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).
- Anh Ngô Minh L1; sinh năm 1993; địa chỉ: Số x đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị T3; sinh năm 1994; địa chỉ: tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).
- Anh Cao Tấn B; sinh năm 1989; địa chỉ: tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1971; địa chỉ: tổ y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Thị M và bà Nguyễn Thị H là hàng xóm, ở đối diện nhà nhau. Vào tháng 5/2022, người dân ở đường hẻm P đóng góp tiền để mở rộng và trải bê-tông mặt đường hẻm; đến tháng 6/2022, thì hoàn thành. Quá trình thi công làm đường, có một số hộ dân phải tháo dỡ hàng rào phía trước nhà, trong đó có nhà của Dương Thị M. Sáng ngày 17/6/2023, M nhờ ông Vũ Đình T2 đến làm lại hàng rào phía trước nhà. Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 17/6/2023, M đi ra đường hẻm chỉ cho ông T2 móc giới để đóng cọc làm hàng rào; lúc này trên tay trái M có cầm chùm chìa khoá bằng kim loại gồm có 05 chìa khoá, trong đó có 01 chìa đang cắm vào ổ khoá. Khi ông T2 đang đóng cọc để chuẩn bị làm hàng rào theo chỉ dẫn của M, thì bà Nguyễn Thị H từ trong nhà đi ra nhìn thấy và cho rằng ông T2 đóng cọc, làm hàng rào vào rãnh thoát nước, làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của đường hẻm. M không đồng tình với ý kiến của bà H, nên giữa M và bà H xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Bà H dùng tay kéo vào vai phải của M đi về trước nhà bà H để chỉ cho M thấy rãnh thoát nước. Bực tức, M dùng tay trái đang cầm chùm chìa khoá và ổ khoá bằng kim loại vung nhiều nhát theo hướng từ dưới lên vào vùng mặt bà Huệ, làm chìa khoá và ổ khoá trúng vào môi, mắt phải của bà H gây thương tích, chảy máu. Trong lúc giằng co, M dùng chùm chìa khoá và ổ khoá đánh trúng vào mặt trong cánh tay phải bà H, thì được ông T2, chị Nguyễn Thị Ngọc N đến can ngăn. M bỏ chạy vào trong nhà; bà H nhặt đá đuổi theo định ném M, nhưng được mọi người can ngăn nên bà H bỏ đá lại rồi đi về nhà. Sau đó, bà H đến Trung tâm y tế thành phố P sơ cứu vết thương và xuất viện trong ngày. Ngày 19/6/2023, bà H đến Công an phường T, thành phố P trình báo vụ việc. Công an phường T đã xác định hiện trường, thu giữ của M 01 (một) ổ khoá bằng kim loại màu vàng, kích thước (07x05)cm, phần thân dày 2,1cm cùng với 05 (năm) chìa khoá bằng kim loại, là hung khí M đã sử dụng gây ra thương tích cho bà H. Ngày 26/7/2023, bà H có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Qua giám định, tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 349 ngày 10/7/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị H như sau:

“1. Các kết quả chính:

- 01 vết thay đổi sắc tố da vùng hố mắt gò má phải.*
- 01 sẹo vết thương phần mềm rãnh nhân trung.*
- 01 sẹo niêm mạc môi trên.*
- 01 sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 trên cánh tay phải.*
- 01 vết thay đổi sắc tố da mặt trong 1/3 giữa cánh tay phải.*
- 01 sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 dưới cánh tay phải.*

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị H tại thời điểm giám định là: 8% (Tám phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

+ Cơ chế hình thành thương tích: Do sự tác động trực tiếp.

+ Vật gây thương tích:

** Đối với thương tích: Vết thay đổi sắc tố da vùng hố mắt gò má phải; Sẹo vết thương phần mềm rãnh nhân trung và sẹo niêm mạc môi trên phù hợp với sự tác động của vật tày. Do vậy, 01 ổ khóa và 05 chiếc chìa khóa được Cơ quan CSĐT Công an thành phố P trưng cầu là vật phù hợp có thể gây ra thương tích nêu trên.*

** Đối với thương tích: Sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 trên cánh tay phải; Vết thay đổi sắc tố da mặt trong 1/3 giữa cánh tay phải và sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 dưới cánh tay phải phù hợp với sự tác động của vật tày. Do vậy, 01 ổ khóa và 05 chiếc chìa khóa được Cơ quan CSĐT Công an thành phố P trưng cầu là vật phù hợp có thể gây ra thương tích nêu trên. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng do sự tác động của các vật tày khác như móng tay, cục đá, ...trong quá trình xảy ra xô xát” .*

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Dương Thị M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

**Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 và điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Dương Thị M từ 07 tháng đến 10 tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.*

**Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu*

cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại theo quy định của pháp luật.

***Về vật chứng vụ án:**

01 (một) ổ khoá bằng kim loại màu vàng, kích thước (07x05)cm, phần thân dày 2,1cm và 05 chìa khoá bằng kim loại (có 01 chìa đang cắm trên ổ khoá) không còn giá trị sử dụng, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình phạm tội, mong HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 17/6/2023, tại đường hẻm trước nhà bà Nguyễn Thị H ở số P, tổ y phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, do bà H cho rằng Dương Thị M thuê người làm lại tường rào nhưng lấn vào rãnh thoát nước của đường hẻm, nên giữa bà H và M xảy ra to tiếng với nhau. Lúc này, trên tay trái của M đang cầm chùm chìa khoá bằng kim loại gồm có 05 chìa, trong đó có 01 chìa đang cắm vào 01 ổ khoá. Bà H dùng tay nắm vào vai phải của M kéo để chỉ cho M thấy rãnh thoát nước của đường hẻm, thì M vung tay trái theo hướng từ dưới lên vào mặt bà H, làm chùm chìa khoá và ổ khoá trúng vào vùng môi, mắt phải bà H gây thương tích, chảy máu. Tiếp đó, trong lúc giằng co M dùng chùm chìa khoá và ổ khoá đánh trúng vào mặt trong cánh tay phải bà H. Qua giám định, bà Huệ bị tổn thương cơ thể 08% (tám phần trăm).

[2] Hành vi của bị cáo trực tiếp tác động làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho bị hại Nguyễn Thị H bị tổn thương cơ thể 8%; bị cáo Dương Thị M là người trực tiếp dùng chùm chìa khoá cửa gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm nên đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích theo điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Dương Thị M là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành thật khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa bị cáo biết mình có lỗi và xin lỗi người bị hại, được bị hại chấp nhận lời xin lỗi, việc phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của bị hại Nguyễn Thị H, xuất phát từ việc xử sự của bị hại, mối quan hệ hàng xóm láng giềng không tốt dẫn đến việc phạm tội. Bản thân bị cáo là phụ nữ có

nhiều bệnh lý phải điều trị tại cơ sở y tế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để giáo dục riêng đôi với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vật chứng vụ án:

01 (một) ổ khoá bằng kim loại màu vàng, kích thước (07x05)cm, phần thân dày 2,1cm và 05 chìa khoá bằng kim loại (có 01 chìa đang cắm trên ổ khoá) không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Dương Thị M phải bồi thường tổng cộng 37.418.000đ, trong đó gồm các khoản:

Tiền sơ cứu vết thương, tiêm phòng vắc xin, mua thuốc điều trị: 716.000đ

Tiền mua 01cc mật gấu: 600.000đ.

Tiền ngày công lao động bị mất (từ ngày 17/6/2023 đến ngày 23/6/2023 là 7 ngày, nghỉ ngơi theo dõi sức khỏe) tổng cộng là 12 ngày x 300.000đ/ngày = 3.600.000đ.

Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 10.000.000đ.

Tiền tổn thất tinh thần: $\frac{1}{4}$ mức quy định 12,5 tháng lương tối thiểu x 1.800.000đ = 22.500.000đ

Bị cáo Dương Thị M đồng ý việc bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền sơ cứu, thuốc điều trị viện phí 716.000đ, HĐXX thấy tiền viện phí điều trị tại Trung tâm Y tế thành phố P ngày 17/6/2023 là 352.900đ (Trong đó BHYT thanh toán là 282.320đ, bị hại phải đóng là 70.580đ); tiền mua thuốc ngày 20/6/2023 là 250.000đ, tiền thuốc ngày 17/6/2023 là 59.600đ; tổng cộng có hóa đơn, chứng từ là: 662.500đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền mua 01cc mật gấu 600.000đ là không hợp pháp không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền bồi thường ngày công lao động: Bị hại là người đã quá tuổi lao động lại không có thu nhập ổn định từ tiền lương, tiền công, không có công việc nhất định chỉ làm nội trợ hàng ngày. Nên tiền ngày công lao động của bị hại theo hướng dẫn tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 được xác định theo 01 ngày lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP, ngày 12/6/2022 của Chính phủ, thành phố Pleiku thuộc vùng III có lương tối thiểu vùng một ngày là 140.000đ. Số ngày không lao động được xác định là 7 ngày sẽ là 7 x 140.000đ/ngày = 980.000đ.

Đối với tiền bồi dưỡng sức khỏe được xác định theo 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám chữa bệnh cho một ngày khám bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án của bị hại là 1 ngày. Tiền lương tối thiểu vùng theo Nghị định

38/2022/NĐ-CP, ngày 12/6/2022 của Chính phủ, thành phố Pleiku thuộc vùng III có lương tối thiểu vùng một ngày là 140.000đ.

Đối với tiền bồi thường tổn thất tinh thần: HĐXX xét thấy bị hại bị thương tổn 8%, có phần nguyên nhân dẫn đến thương tích có lỗi của bị hại nên xác định cho bị hại được hưởng 5 tháng lương tối thiểu là $5 \times 1.800.000\text{đ} = 9.000.000\text{đ}$.

Từ các nhận định trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại là $662.500\text{đ} + 980.000\text{đ} + 140.000\text{đ} + 9.000.000\text{đ} = 10.782.500\text{đ}$.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo khiếu nại việc cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường và đã được Cơ quan Viện kiểm sát trả lời khiếu nại không đúng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Dương Thị M** phạm tội **“Cố ý gây thương tích”**.

-Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Dương Thị M** – 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (25/3/2024).

Giao bị cáo Dương Thị M cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Áp dụng Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Dương Thị M phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H tổng số tiền 10.782.500đ (Mười triệu bảy trăm tám hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ khoá bằng kim loại màu vàng, kích thước (07x05)cm, phần thân dày 2,1cm và 05 chìa khoá bằng kim loại (có 01 chìa đang cắm trên ổ khoá).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2024 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Căn cứ Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc:

Buộc bị cáo Dương Thị M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 539.125đ (Năm trăm ba chín nghìn một trăm hai lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Thi hành án Dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Tiến